



WIKIPEDIA  
Bách khoa toàn thư mở



# A-dục vương

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

**Ashoka Đại Đế** (br. 𑀅𑀲𑁆𑀓 + sa. *asōka*, pi. *asoka*, zh. 阿育王, hv. A Dục) là vị vua thứ ba của vương triều Ma-gát-đa (sa. *maurya*, zh. 孔雀, hv. Khổng Tước) thời Ấn Độ xưa, trị vì Ấn Độ từ năm 273 đến 232 trước CN.<sup>[1]</sup> Là một trong những hoàng đế kiệt xuất trong lịch sử Ấn Độ, Ashoka đã toàn thắng trong loạt các cuộc chinh phạt và cai trị phần lớn vùng Nam Á, từ Afghanistan cho đến Bengal hiện nay và đi sâu đến miền Nam tận Mysore. Là một vị vua ủng hộ Phật giáo, nhưng từ thuở mới lên ngôi, ông được mệnh danh là A Dục vương bạo ác, ông lập ra những khung hình phạt tàn ác giống như các cảnh mô tả trong địa ngục để hành hình tội nhân, và ông đặt tên cho các ngục ấy là địa ngục trần gian. Về sau ông Quy y Tam Bảo và ông đã lập nhiều bia đá ghi lại những thánh tích trong cuộc đời Phật Thích-ca Mâu-ni và theo truyền thống Phật giáo, tên ông gắn liền với việc lưu truyền Phật giáo.

Vào khoảng năm 260 TCN Ashoka tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược nhà nước Kalinga (ngày nay là Odisha).<sup>[2]</sup> Ông đã chinh phục Kalinga, điều mà tiên đế của ông là Chandragupta Maurya chưa bao giờ làm được. Ông xây dựng trung tâm cơ quan quyền lực của đế chế Maurya ở Magadha (nay là Bihar). Ông trở nên đề cao Phật giáo sau khi chứng kiến nhiều chết chóc trong chiến tranh Kalinga, mà bản thân ông đã thực hiện do khát vọng mở rộng đế quốc của mình. "Ashoka suy ngẫm về trận chiến ở Kalinga, cuộc chiến mà người ta ngẫm rằng đã làm hơn 100.000 người chết và 150.000 người khác bị trục xuất."<sup>[3]</sup> Ashoka đã quy y Tam bảo vào khoảng 263 TCN.<sup>[2]</sup> Sau đó ông đã hoằng dương giáo pháp nhà Phật ra khắp châu Á, và thiết lập các di tích đánh dấu nhiều địa danh quan trọng trong cuộc đời truyền pháp của Phật tổ Thích-ca Mâu-ni.<sup>[4]</sup>

Tên ông cũng được gọi theo dịch tiếng Hán Việt khác là **A-du-ca** (zh. 阿輸迦), **A-du-già** (阿輸伽), **A-thứ-già** (阿恕伽), **A-thứ-khả** (阿戌笮), **A-thúc** (阿儻), hoặc dịch nghĩa là **Vô Ưu** (無憂), hoặc như ông tự khắc trên những cột trụ nổi danh được lưu đến ngày nay là **Thiên Ái Hỉ Kiến** (zh. 天愛喜見, sa. *devānaṃpriya priyadarśi*), nghĩa là "người được chư thiên thương, người nhìn sự vật với tâm lòng hoan hỉ". Ông là vị quân vương đầu tiên của nước Ấn Độ xưa (sa. *bhāratavarṣa*) đã thống nhất được một lãnh thổ vĩ đại, lớn hơn ngay cả Ấn Độ ngày nay.

## Ashoka Đại đế

Vua Ấn Độ

|                   |                             |
|-------------------|-----------------------------|
| <b>Trị vì</b>     | 273 – 232 trước Công nguyên |
| <b>Tiền nhiệm</b> | Bindusara                   |
| <b>Kế nhiệm</b>   | Dasaratha Maurya            |

### Thông tin chung

|                  |                                                                                         |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Sinh</b>      | 304 trước TCN <div>Pataliputra (Patna ngày nay)</div>                                   |
| <b>Mất</b>       | 232 TCN <div>Pataliputra</div>                                                          |
| <b>Hoàng hậu</b> | Maharani Devi                                                                           |
| <b>Hoàng phi</b> | Hoàng phi Kaurwaki <div>Padmavati</div> <div>Asandhimitra</div> <div>Tishyaraksha</div> |
| <b>Hậu duệ</b>   | Hậu duệ Mahinda, Sanghamitta <div>Teevala, Kunala</div>                                 |

### Tên đầy đủ

Asok Bindusara Maurya

## Tài liệu nguồn lịch sử

Các thông tin lịch sử về cuộc đời và thời gian cai trị của vua A-dục có nguồn từ một số tài liệu Phật giáo tương đối nhỏ. Đặc biệt là tác phẩm tiếng Phạn *A-dục vương truyện* (sa. *asokāvadāna*) và hai bộ sử của Tích Lan là *Đảo sử* (zh. 島史, pi. *dīpavaṃsa*) và *Đại sử* (zh. 大史, pi. *mahāvamsa*) cung cấp hầu như tất cả những thông tin ngày nay có được. Những thông tin đi sâu hơn được các bản khắc văn của chính vua A-dục cung cấp (xem *A-dục vương khắc văn*), sau khi tác giả của những khắc văn này là Thiên Ái Hi Kiến được xác nhận là A-dục vương trong các văn bản Phật giáo, là tên khác của A-dục Không Tước (pi. *asoka mauriya*)

Việc dùng tài liệu Phật giáo để tu phục lại cuộc đời của vua A-dục đã gây ảnh hưởng lớn đến cách nhận thức A-dục hiện nay cũng như cách diễn giảng các văn bản khắc trên trụ và vách đá của ông. Lập cơ sở trên những tài liệu này, các nhà nghiên cứu trước đây cho rằng, ông chủ yếu là một quân vương Phật giáo, trải qua một cuộc chuyển hóa tâm thức, đến với Phật giáo và sau đó chủ động hỗ trợ Phật giáo và *Tăng-già*.

Các nhà nghiên cứu gần đây đặt câu hỏi về những sự kiện trên, bởi vì những nguồn tài liệu ngoài truyền thống Phật giáo, chính các bản khắc văn của A-dục ít nói đến những điểm giáo lý, triết học Phật giáo, mặc dù khái niệm "Đạt-ma" (zh. 達磨, sa. *dharma*, pi.*dhmma*) được nhắc rất nhiều lần. Một vài học giả diễn giảng là đây chính là dấu hiệu của việc A-dục muốn lập một tôn giáo qua chúng có tính cách bao gồm, đa tôn giáo cho quân vương của mình (Romila Thapar); và tôn giáo qua chúng này đặt cơ sở trên khái niệm Đạt-ma như một năng lực luân lý, nhưng không ủng hộ hoặc đề cao bất cứ một triết lý có thể gán vào những trào lưu tôn giáo triều vua A-dục (ví như *Kì-na giáo*, *Bà-la-môn giáo* hoặc *Sinh kế giáo*, sa. *ājīvika*).

Tuy nhiên, như A.W.P. Guruge cho thấy bằng nhiều ví dụ từ kinh tạng Pali, thuyết tôn giáo qua chúng bên trên không có lập trường vững chắc. Trong mọi trường hợp, tất cả các học giả hiện này đều nhất trí là A-dục đã trị nước với một tâm lòng nhân ái, khoan dung đối với tất cả những trào lưu tôn giáo thời đó.

Cái tên *A-dục*, hay *Ashoka* có nghĩa là "không đau khổ" trong tiếng Sanskrit. Trong các sắc lệnh ông tự xưng là *Devaanaampriya* hay là "Người được thần linh phù hộ".

H.G. Wells viết về vua A-dục:

“

”

|                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tước vị</b>   | Tước vị<br>Devanampriya Priyadarsi<br>hay Piodasses,<br>Dhammarakhit,<br>Dharmaraja, Dhammaraj,<br>Dhammaradnya,<br>Chakravartin, Samrat,<br>Radnyashreshtha,<br>Magadhrājshretha,<br>Magadharajan, Bhupatin,<br>Mauryaraja, Aryashok,<br>Dharmashok,<br>Dhammashok,<br>Asokvadhhan,<br>Ashokavardhan,<br>Parajapita |
| <b>Triều đại</b> | <u>Nhà Maurya</u>                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>Thân phụ</b>  | <u>Bindusara</u>                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>Thân mẫu</b>  | Rani Dharma<br>hay còn gọi là<br><u>Subhadrangi</u>                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>Tôn giáo</b>  | <u>Phật giáo</u>                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |



Một mảnh đá của Thạch trụ khắc văn thứ 6 (en. 6th Pillar Edicts) của A-dục vương, được viết bằng Chữ Phạn cổ (古梵文, sa. *brāhmī*). Bảo tàng Anh quốc

*Trong lịch sử của thế giới có hàng ngàn vị vua và hoàng đế tự xưng là 'ngôi cao', 'hoàng đế', 'quốc vương', v.v. Họ chỉ sáng bùng trong chớp lát rồi tàn lụi nhanh chóng. Nhưng A-dục vương tỏa sáng và vẫn tỏa sáng như một ngôi sao sáng, cho đến tận ngày hôm nay.*

Truyện thuyết về ông được lưu lại trong Ashokavadana ("Chuyện kể về A-dục vương") trong thế kỷ thứ II và Divyavadana ("Chuyện kể linh thiêng"). Ashoka là vị hoàng tử thứ hai của vua Bindusara và của Vương triều Maurya

## Thời niên thiếu

Theo như truyền thống Phật giáo, miêu tả trong "Truyện thuyết về A-dục vương" vào thế kỷ thứ II, sự ra đời của A-dục được tiên tri bởi Phật Thích-ca Mâu-ni, trong câu chuyện "Quà của Đất":

“

*Một trăm năm sau khi ta qua đời có một hoàng đế tên là A-dục tại xứ Pataliputra. Ông sẽ thống trị một trong bốn lục địa và trang trí Diêm phù đề (Jambudvīpa) với tro xương của ta và xây tám mươi bốn ngàn phù đồ để đem lại công đức cho chúng sinh. Ông sẽ cho các nơi đó được kính trọng bởi thần linh cũng như con người. Tiếng tăm của ông sẽ lan đi khắp nơi. Món quà cúng dường của ông chỉ đơn giản thế này: Nhạ Da (Jaya)<sup>[5]</sup> ném một nắm đất vào chén của Như Lai (Tathāgata). Ashokavadana <sup>[6]</sup>*

”

Theo sau lời tiên tri này, "Truyện thuyết về A-dục vương" còn nói thêm rằng A-dục cuối cùng được hạ sinh như là hoàng tử của Hoàng đế Bindusara xứ Maurya bởi một thứ phi tên là Dharma. Dharma được kể là con của một Brahmin (Bà la môn) nghèo. Ông dâng con gái vào cung vua vì có lời tiên đoán rằng con trai (của Dharma) sẽ là một hoàng đế vĩ đại. Mặc dù Dharma có dòng dõi tăng lữ, sự kiện cô không phải là hoàng tộc đã làm cô có một vị trí thấp trong cung cấm.<sup>[7]</sup>

A-dục có một số người anh cùng cha khác mẹ lớn tuổi hơn và một người em trai, Vitthashoka, con trai thứ của Dharma. Các hoàng tử cạnh tranh lẫn nhau hết sức gay gắt, nhưng A-dục trẻ tuổi xuất sắc cả trong quân sự lẫn các môn học được dạy dỗ. Có một sự đối đầu gay gắt, đặc biệt là giữa A-dục và người anh Susima.

## Thời kì nắm quyền lực



Cảnh "Quà của Đất", Thế kỷ thứ II Gandhara. Cậu bé Jaya, tiền thân kiếp trước của vua Ashoka, dâng chiếc bánh đất (mà cậu bé tưởng tượng như là thức ăn) lên Phật Thích-ca Mâu-ni. Nhờ công đức cúng dường cho một vị Phật với lòng chí thành, Phật Thích-ca Mâu-ni đã tiên tri rằng trong kiếp sau, cậu sẽ thành vị vua thống lĩnh Ấn Độ và lưu truyền Phật giáo. Bảo tàng Guimet.

Trưởng thành như một vị tướng bất khả chiến bại và một người cầm quân khôn ngoan, A-dục tiếp tục chỉ huy một vài quân đoàn của quân đội Maurya. Uy tín anh trong vương quốc tăng dần khiến các người anh lớn lo sợ anh sẽ được phụ hoàng Bindusara chọn làm người kế vị. Người lớn tuổi nhất, Hoàng tử Susima, theo truyền thống sẽ là người nối ngôi, thuyết phục phụ hoàng gửi A-dục dẹp quân nổi loạn ở thành phố Takshashila trong một tỉnh phía tây bắc của Sindh, mà Hoàng tử Susima là thống đốc. Takshashila là một nơi bất ổn bởi dân số Ấn-Hy Lạp hiếu chiến và sự điểu hành kém cỏi của bản thân Susima. Điều này đã tạo nên sự thành lập của các sứ quân khác nhau tạo ra nổi loạn. Ashoka tuân lệnh và lên đường đến vùng có biên. Khi tin tức về A-dục đem quân tiến đánh lan đến, anh được chào đón bởi các sứ quân và cuộc nổi loạn kết thúc mà không cần một trận đánh nào. (Tỉnh này nổi loạn một lần nữa dưới triều A-dục vương, nhưng lần này cuộc nổi dậy bị dập tắt với một bàn tay sắt).

Sự thành công của A-dục làm các người anh cùng cha khác mẹ thêm lo lắng là anh muốn lên ngôi, và nhiều lời sàm tấu từ Susima khiến Bindusara gửi A-dục đi đây. Anh đi vào vùng Kalinga và mai danh ẩn tích. Nơi đó anh gặp một cô gái đánh cá tên là Kaurwaki, họ yêu nhau; các bản khắc đá tìm ra gần đây cho thấy cô ta trở thành hoàng hậu thứ hai hay thứ ba của anh.

Trong khi đó, lại có một cuộc nổi loạn ở vùng Ujjain. Hoàng đế Bindusara triệu tập A-dục về sau hai năm đi đây. A-dục tiến về Ujjain và bị thương trong trận chiến sau đó, nhưng các tướng của anh đã dập tắt cuộc nổi loạn. A-dục được chữa trị ở một nơi bí mật để các tay chân của Susima không thể làm hại. Anh được chữa trị bởi các nhà sư Phật giáo. Chính nơi này là nơi anh lần đầu tiên biết được những lời dạy của Phật Thích-ca Mâu-ni, và cũng là nơi anh gặp nàng Devi xinh đẹp, là y tá riêng là cũng là con gái của một thương gia từ vùng Vidisha lân cận. Sau khi bình phục, anh cưới cô ta. A-dục, vào thời điểm đó, đã lập gia đình với Asandhimitra người là vương phi chính của ông trong nhiều năm cho đến khi bà mất. Bà có vẻ như là đã sống ở Pataliputra cả cuộc đời.



Sanchi stupa ở Sanchi, Madhya Pradesh được xây bởi hoàng đế A-dục vào thế kỷ thứ III TCN

Năm sau trôi qua một cách bình yên và Devi chuẩn bị hạ sinh đứa con đầu lòng của ông. Vào thời gian đó, Hoàng đế Bindusara lâm bệnh và hấp hối. Một nhóm các đại thần dẫn đầu bởi Radhagupta, người chán ghét Susima, đã mời A-dục về để nối ngôi, mặc dù Bindusara ưa thích Susima hơn. Theo như truyền thuyết, trong một cơn giận Hoàng tử A-dục tấn công Pataliputra (Patna ngày nay), và giết chết tất cả các người anh cùng cha khác mẹ, kể cả Susima, và ném xác của họ vào một cái giếng ở Pataliputra. Không biết là vua cha Bindusara đã qua đời hay chưa vào lúc đó. Vào giai đoạn đó của cuộc đời ông, nhiều người gọi ông là Chanda Ashoka nghĩa là kẻ giết người bất nhân Ashoka. Truyền thuyết Phật giáo đã vẽ lên một bức tranh đẫm máu bạo lực về các hành động của ông vào thời gian đó. Đa số là không đáng tin cậy, và nên được đọc như là các yếu tố làm nền để làm nổi bật lên sự chuyển hóa trong A-dục vương mà Phật giáo đem lại sau này.

Sau khi lên ngôi, Ashoka mở rộng đế chế trong tám năm sau đó: đất nước mở rộng để bao gồm một vùng trải từ biên giới ngày nay của Bangladesh và bang Assam của Ấn Độ, ở phía đông, đến các vùng đất ngày nay là Iran và Afghanistan, ở phía tây, và từ Nút thắt Pamir ở phía bắc đến tận mũi của bán đảo của vùng phía nam Ấn Độ. Vào thời điểm đó của cuộc đời ông, ông được gọi là Chakravarti mà theo nghĩa đen là "người xoay chuyển bánh xe luật pháp" (nghĩa rộng là hoàng đế). Vào khoảng thời gian đó, hoàng hậu Phật giáo Devi đã hạ sinh hai người con, Hoàng tử Mahindra và Công chúa Sanghamitra.

## Chinh phục Kalinga



## *Bài chi tiết: Chiến tranh Kalinga*

Phân đầu của triều đại của vua A-dục rõ ràng là khá đẫm máu. A-dục liên tục tổ chức các chiến dịch, chinh phạt hết vùng đất này đến vùng đất khác và mở rộng đáng kể đế chế Maurya đã khá rộng lớn và tích trữ thêm của cải. Cuộc chinh phạt cuối cùng là bang Kalinga nằm trên bờ biển phía đông Ấn Độ trong vùng ngày nay là Orissa. Kalinga tự hào với chủ quyền và nền dân chủ; với nền dân chủ kết hợp vua - nghị viện, khá là đặc biệt trong xứ Bharata cổ đại, vì nơi đó đã tôn tại khái niệm Rajdharma, nghĩa là nghĩa vụ của người cầm quyền, được đan xen đến mức như là bản chất của khái niệm về sự dũng cảm và Kshatriya dharma.

Nguyên nhân khởi đầu cuộc chiến tranh Kalinga (265 TCN hoặc 263 TCN) là không rõ ràng. Một trong những người anh của vua A-dục - và có lẽ là người ủng hộ Susima - có lẽ là bỏ chạy về phía Kalinga và chính thức lánh nạn ở nơi đó. Điều này đã làm A-dục nổi giận. Ông được khuyên bởi các quan đại thần nên tấn công Kalinga cho hành động phản bội đó. A-dục sau đó đã yêu cầu hoàng gia Kalinga đầu hàng. Khi họ coi thường tội hậu thư đó, A-dục gửi một trong các tướng lĩnh của mình đến Kalinga để buộc họ đầu hàng.

Tuy nhiên, vị tướng và các quân lính của ông ta đã bị đánh bật ra thông qua những chiến thuật tài tình của tổng tư lệnh xứ Kalinga. Vua A-dục, nổi đóa bởi sự thất bại này, đã tấn công với cuộc xâm lăng lớn nhất trong lịch sử Ấn Độ đã ghi lại cho đến lúc đó. Kalinga đã chống cự mãnh liệt, nhưng họ không phải là đối thủ của quân lực hùng hậu của A-dục với các vũ khí mạnh hơn cùng các tướng sĩ nhiều kinh nghiệm hơn. Toàn bộ Kalinga bị cưỡng đoạt và tiêu diệt: các khuyển dụ của A-dục này nói rằng khoảng 100.000 người thiệt mạng phía Kalinga và 10.000 từ quân đội của A-dục; hàng ngàn người bị trục xuất.

## Quy y Tam bảo

Theo như truyền thuyết, một ngày sau khi cuộc chiến kết thúc vua A-dục cưỡi ngựa dạo quanh phía đông thành phố và tất cả những gì mà ông có thể thấy là những căn nhà cháy rụi và những xác người rải rác khắp nơi. Cảnh tượng này làm ông cảm thấy khó ở và ông thốt lên câu nói nổi tiếng, "Ta đã làm gì thế này?". Sự tàn bạo của cuộc chinh phạt đã làm ông chuyển hóa sang Phật giáo và sử dụng vị trí của mình để truyền bá triết lý tương đối mới này lên đỉnh cao, đến mức như là La Mã cổ đại và Ai Cập.

Cũng theo truyền thuyết, cũng có một yếu tố khác đã dẫn dắt vua A-dục đến Phật giáo. Một công chúa Maurya - vợ của một trong những người anh trai của A-dục (đã bị ông xử tử) chạy trốn khỏi dinh thự với một tỷ nữ, lo sợ cho đứa con chưa ra đời. Trải qua một hành trình dài, công chúa đang mang thai ngã gục dưới một gốc cây trong rừng, và người tỷ nữ chạy đến ngôi đền gần đó để nhờ một thầy tu hay thầy thuốc đến giúp. Trong khi đó, dưới gốc cây, công chúa hạ sinh một người con trai. Hoàng tử trẻ tuổi được nuôi nấng và dạy dỗ bởi những Brahmin trong ngôi đền. Sau này, khi cậu khoảng mười ba tuổi, cậu tình cờ gặp A-dục, ông ngạc nhiên khi thấy một cậu bé nhỏ tuổi như vậy ăn mặc như một nhà hiền triết. Khi cậu bé bình thản tiết lộ thân thế của mình, có vẻ như là A-dục xúc động vì hối hận và lòng thương cảm, và cho dời cậu bé và mẹ cậu về lại hoàng cung.

Trong khi đó Hoàng phi Kavi, một người theo Phật giáo, và nuôi dạy các con theo tín ngưỡng đó, và rõ ràng là đã rời bỏ A-dục sau khi bà chứng kiến những việc tàn bạo xảy ra tại Kalinga. Vua A-dục đau khổ vì điều này, và được khuyên bởi người cháu của mình (người lớn lên trong đền thờ và mang tính thầy tu nhiều hơn là hoàng tử) quy thuận theo đạo pháp (*dharma*) và tránh xa chiến tranh. Hoàng tử Mahindra và công chúa

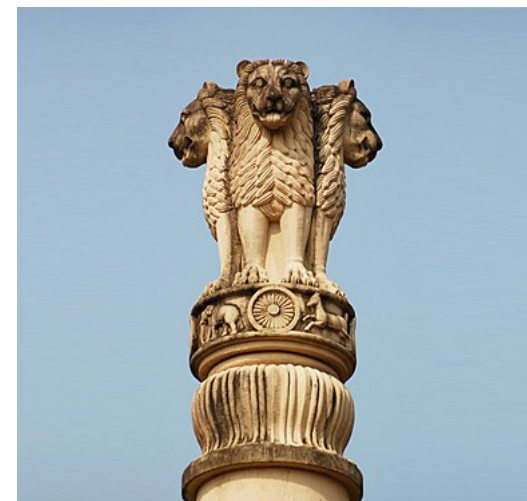
Sanghamitra, con của Hoàng hậu Devi, chán ghét bạo lực và cảnh đổ máu, nhưng biể't rằ'ng chiế'n tranh trong hoàng gia sẽ là một phầ'n của cuộc đời họ. Do đó họ xin phép A-dục gia nhập với các nhà sư Phật giáo, mà A-dục miễn cưỡng chấ'p nhận. Hai người này đã thiế't lập Phật giáo ở Ceylon (bây giờ là Tích Lan).

Từ thời điểm đó vua A-dục, người đã từng được miêu tả như là "A-dục ác vương" (Chandashoka), bắ't đầ'u được mô tả như là "A-dục sùng đạo" (Dharmashoka). Ông cho lan truyề'n trường phái Vibhajjvada của Phật giáo và thuyế't pháp giáo lý trong vương quố'c của mình cũng như ra khắ'p thê' giới từ khoảng 250 TCN. A-dục vương do vậy được khắ'ng định là người có nhữ'ng cố' gắ'ng nghiêm túc đầ'u tiên để phát triển một chính sách Phật giáo.

## Qua đời và di sản

Vua Ashoka trị vì xấ'p xỉ trong bô'n mươi năm, và sau khi ông qua đời, triề'u đại Maurya chỉ tồ'n tại thêm được năm mươi năm nữa. Ông có nhiề'u vợ và con, nhưng tên tuổi của phầ'n lớn trong số' họ đã bị quên lãng cùng năm tháng.

Mahindra (Ma-hi-đà) và Sanghamitta (Tăng-già-mật-đa) là 2 người con nổi tiế'ng nhấ't của ông, ngày nay vẫn còn được nhớ đế'n. Họ là cặp song sinh hạ sinh bởi người vợ thứ nhấ't của ông là Devi ở thành phố Ujjain. Ông đã cho họ xuấ't gia theo đạo Phật, và 2 người này đã góp công truyề'n đạ'c Phật đế'n khắ'p thê' giới. Mahindra và Sanghamitra đã đi đế'n Sri Lanka và truyề'n đạ'c cho vua, hoàng hậu và người dân xứ đó theo đạo Phật. Mahindra có lẽ cũng là chủ tọa của Đạ'i hội kế't tập kinh điển Phật giáo lầ'n thứ tư tại Sri Lanka.<sup>[8]</sup> Còn Tỳ-kheo-ni Sanghamitta (Tăng-già-mật-đa) thì đã mang theo 1 nhánh cây chiế't từ Cội Bô'-đề' (Phật Thích Ca đã ngồ'i dưới gô'c cây bô'-đề' đó vào đêm ngài đạ't tới giác ngộ) đem đế'n tro'ng ở Anuradhapura, sau này nhánh cây phát triển thành một cây to và người dân Sri Lanka gọi đây là "*Cây Bô'-Đề' Vĩ Đạ'i Cát Tường*". Cho tới nay, trải qua gầ'n 2.300 năm, Cây Bô'-Đề' Vĩ Đạ'i vẫn số'ng tươi tồ't và được người Sri Lanka coi là quố'c bảo. Rắ't nhiề'u nhánh từ cây này đã được chiế't để gửi đi tro'ng ở chùa chiề'n khắ'p nơi trên thê' giới. Ngày nay vào ngày rằ'm tháng 11 âm lịch, Phật tử khắ'p nơi trong đạ'o quố'c Sri Lanka vẫn hành lễ tưởng niệm công lao của Ma-hi-đà và Tăng-già-mật-đa<sup>[9]</sup>



Trụ đá Ashoka tại Sarnath

Trong những năm tháng tuổi già, ông có vẻ chịu sự thao túng của người vợ trẻ nhấ't tên là Tishyaraksha. Người ta kể rằ'ng bà ta đã làm cho hoàng tử Kunala, quan nhiệ'p chính ở Takshashila, bị mù bởi những âm mưu xảo trá.

Kanula được tha tội tử hình và trở thành một người hát rong đi cùng với người vợ yêu của ông ta là Kanchanmala. Ở thành phố Pataliputra, vua Ashoka nghe lời hát của Kunala, và nhận ra rằ'ng sự bất hạnh của Kunala có thể là sự trừng phạt của những tội lỗi trong quá khứ của nhà vua và kế't tội chề't Tishyaraksha, phục hù'i Kunala về' lại triề'u đình. Kunala được kế' vị bởi con ông ta, Samprati. Nhưng triề'u đình của ông không kéo dài sau khi Ashoka qua đời.

Quốc huy của Ấn Độ là bản sao của cột đá Ashoka. Triều đại Maurya của vua Ashoka thể dễ dàng biế n mấ t vào lịch sử với nhiề u năm tháng trôi qua và có lẽ sẽ như vậy, nếu như ông đã không để lại chứng cứ về những thành công của ông. Những bắ ng chứng về vị vua khôn ngoan này đã được khám phá dưới dạng những cột đá được chạm khắc lổ ng lổ và những tảng đá khắc những tranh vẽ và những lời răn dạy. Những gì Ashoka để lại là ngôn ngữ viết đầ u tiên ở Ấn Độ kể từ thành phố cổ đại Harappa. Không hẳn là Sanskrit, ngôn ngữ dùng trong các bản khắc đá là dạng ngôn ngữ nói thời đó gọi là Prakrit.

Vào năm 185 TCN, khoảng năm mươi năm sau khi vua Ashoka qua đời, vị vua cuối cùng của Maurya, Brhadrata, bị giết hại một cách tàn bạo bởi tổng tư lệnh của quân đội Maurya, Pusyamitra Sunga, trong khi vua đang duyệt hàng quân danh dự. Pusyamitra Sunga thiết lập triều đại Sunga (185 TCN-78 TCN) và cai trị chỉ một phần của Đế chế Maurya. Đa phần lãnh thổ phía tây bắc của Đế chế Maurya (ngày nay là Iran, Afghanistan và Pakistan) trở thành Vương quốc Ấn-Hy Lạp (tiếng Anh: *Indo-Greek Kingdom*).

Khi Ấn Độ giành lại được độc lập từ Đế quốc Anh nước này đã mô phỏng quốc huy của Ashoka thành quốc huy chính thức, đặt Dharmachakra (Bánh xe của các Nghĩa vụ Chính nghĩa) trên nhiều cột đá trên lá cờ của quốc gia vừa giành được độc lập.

Năm 1992, vua Ashoka được xếp thứ 53 trong Danh sách những nhân vật có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử của Michael H. Hart. Năm 2001, phim Ashoka - một bộ phim (có phần hư cấu) về cuộc đời của Ashoka được sản xuất.

## Vương quốc Phật giáo

*Bài chi tiế t: Lịch sử Phật giáo*

## A-dục vương trong thời nay

---

### Trong nghệ thuật và điện ảnh

Ashoka đại đế (phim truyền hình)

- Asoka

### Trong Văn học

- Asoka and the Decline of the Maurya* của Romila Thapar.
- Early India and Pakistan: to Ashoka* (1970) của Brigadier Sir Robert Eric Mortimer Wheeler.
- Asoka the Great* của Monisha Mukundan.
- Asokan Sites and Artefacts*, a Source-book with Bibliography. Harry Falk, Verlag Philipp von Zabern, Mainz 2006 ISBN 978-3-8053-3712-0.

- *The Legend of King Asoka* (1948) của John S. Strong.
- *Ashoka the Great* (1995) của D. C. Ahir.
- *Ashoka text and glossary* (1924) của Alfred C. Woolner.
- *Asoka: The Buddhist Emperor of India* của Vincent A. Smith.
- *Discovery of the Exact Site of Asoka's Classic Capital of Pataliputra* (1892) của L. A. Waddell.
- *Asoka Maurya* (1966) của B. G. Gokhale.
- *The Legend of King Asoka* (1989) của John S. Strong.
- *Asoka* (1923) của D.R. Bhandarkar.
- *Ashoka, The Great* của B. K. Chaturvedi.
- *Asoka* của Mookerji Radhakumud.
- *King Aśoka and Buddhism Historical And Literaray Studies* của Anuradha Seneviratna.
- *To Uphold the World: The Message of Ashoka and Kautilya for the 21st Century* (2008) của Bruce Rich.
- *Asoka and His Inscriptions* của Beni Madhab Barua.
- *Asoka's Edicts* (1956) của A. C. Sen.

## Nguồn

---

- Swearer, Donald. *Buddhism and Society in Southeast Asia* (Chambersburg, Pennsylvania: Anima Books, 1981) ISBN 0-89012-023-4
- Thapar, Romila. *Aśoka and the decline of the Mauryas* (Delhi: Oxford: Oxford University Press, 1997, 1998 printing, c1961) ISBN 0-19-564445-X
- Nilakanta Sastri, K. A. *Age of the Nandas and Mauryas* (Delhi: Motilal Banarsidass, [1967] c1952) ISBN 0-89684-167-7
- Bongard-Levin, G. M. *Mauryan India* (Stosius Inc/Advent Books Division tháng 5 năm 1986) ISBN 0-86590-826-5
- Govind Gokhale, Balkrishna. *Asoka Maurya* (Irvington Pub tháng 6 năm 1966) ISBN 0-8290-1735-6
- Chand Chauhan, Gian. *Origin and Growth of Feudalism in Early India: From the Mauryas to AD 650* (Munshiram Manoharlal tháng 1 năm 2004) ISBN 81-215-1028-7
- Keay, John. *India: A History* (Grove Press; 1 Grove Pr edition 10 tháng 5 năm 2001) ISBN 0-8021-3797-0
- Falk, Harry. *Asokan Sites and Artefacts - A Source-book with Bibliography* (Mainz: Philipp von Zabern, [2006]) ISBN 978-3-8053-3712-0
- Ahir, D. C. (1995). *Asoka the Great*. Delhi: B. R. Publishing.
- Bhandarkar, D.R. (1969). *Aśoka* (ấn bản 4). Calcutta: Calcutta University Press.
- Bongard-Levin, G. M. *Mauryan India* (Stosius Inc/Advent Books Division May 1986) ISBN 0-86590-826-5
- Chauhan, Gian Chand (2004). *Origin and Growth of Feudalism in Early India: From the Mauryas to AD 650*. Munshiram Manoharlal, Delhi. ISBN 978-81-215-1028-8
- Durant, Will (1935). *Our Oriental Heritage*. New York: Simon and Schuster.



- Falk, Harry. *Asokan Sites and Artefacts – A Source-book with Bibliography* (Mainz: Philipp von Zabern, [2006]) [ISBN 978-3-8053-3712-0](#)
- Gokhale, Balkrishna Govind (1996). *Asoka Maurya* (Twayne Publishers) [ISBN 978-0-8290-1735-9](#)
- Hultzsch, Eugene (1914). *The Date of Asoka*, The Journal of the Royal Asiatic Society of Great Britain and Ireland (Oct. 1914), pp. 943–951. [Article stable URL](#). (<http://www.jstor.org/stable/25189238>)
- Keay, John. *India: A History* (Grove Press; 1 Grove Pr edition ngày 10 tháng 5 năm 2001) [ISBN 0-8021-3797-0](#)
- Mookerji, Radhakumud (1962). *Ásoka* (ấn bản 3). Delhi: Motilal Banarsidas.
- Nikam, N. A.; McKeon, Richard (1959). *The Edicts of Ásoka*. Chicago: University of Chicago Press.
- Sastri, K. A. Nilakanta (1967). *Age of the Nandas and Mauryas*. Reprint: 1996, Motilal Banarsidass, Delhi. [ISBN 978-81-208-0466-1](#)
- Singh, Upinder (2012). "Governing the State and the Self: Political Philosophy and Practice in the Edicts of Ásoka," *South Asian Studies*, 28:2 (University of Delhi: 2012), pp. 131–145. [Article stable URL](#). (<https://dx.doi.org/10.1080/02666030.2012.725581>)
- Swearer, Donald. *Buddhism and Society in Southeast Asia* (Chambersburg, Pennsylvania: Anima Books, 1981) [ISBN 0-89012-023-4](#)
- Thapar, Romila. (1973). *Ásoka and the decline of the Mauryas. 2nd Edition*. Oxford University Press, Reprint, 1980. SBN 19-660379 6.
- von Hinüber, Oskar. (2010). "Did Hellenistic Kings Send Letters to Ásoka?" *Journal of the American Oriental Society*, 130:2 (Freiburg: 2010), pp. 261–266.
- MacPhail, James Merry: "Asoka", Calcutta: The Associative Press; Luân Đôn: Oxford University Press 1918 [PDF](#) (<http://ia700300.us.archive.org/22/items/asokaheritage00macpiala/asokaheritage00macpiala.pdf>) (5.9 MB)

## Tham khảo

- *A-dục vương kinh* (zh. 阿育王經, [Taishō No. 2043](#))
- *A-dục vương truyện* (zh. 阿育王傳, [Taishō No. 2042](#))
- *The Biographical Scripture of King Ásoka*, transl. Li Rongxi. Berkeley: Numata Buddhist Research Center, 1993.
- Ahir, D. C. (1995). *Asoka the Great*. Delhi: B. R. Publishing.
- Bhandarkar, D.R. (1969). *Ásoka* (ấn bản 4). Calcutta: Calcutta University Press.
- Bongard-Levin, G. M. *Mauryan India* (Stosius Inc/Advent Books Division May 1986) [ISBN 0-86590-826-5](#)
- Chauhan, Gian Chand (2004). *Origin and Growth of Feudalism in Early India: From the Mauryas to AD 650*. Munshiram Manoharlal, Delhi. [ISBN 978-81-215-1028-8](#)
- Durant, Will (1935). *Our Oriental Heritage*. New York: Simon and Schuster.
- Falk, Harry. *Asokan Sites and Artefacts – A Source-book with Bibliography* (Mainz: Philipp von Zabern, [2006]) [ISBN 978-3-8053-3712-0](#)
- Gokhale, Balkrishna Govind (1996). *Asoka Maurya* (Twayne Publishers) [ISBN 978-0-8290-1735-9](#)
- Hultzsch, Eugene (1914). *The Date of Asoka*, The Journal of the Royal Asiatic Society of Great Britain and Ireland (Oct. 1914), pp. 943–951. [Article stable URL](#). (<http://www.jstor.org/stable/25189238>)
- Keay, John. *India: A History* (Grove Press; 1 Grove Pr edition ngày 10 tháng 5 năm 2001) [ISBN 0-8021-3797-0](#)

- Mookerji, Radhakumud (1962). *Asoka* (ấn bản 3). Delhi: Motilal Banarsidas.
- Nikam, N. A.; McKeon, Richard (1959). *The Edicts of Asoka*. Chicago: University of Chicago Press.
- Sastri, K. A. Nilakanta (1967). *Age of the Nandas and Mauryas*. Reprint: 1996, Motilal Banarsidass, Delhi. ISBN 978-81-208-0466-1
- Singh, Upinder (2012). "Governing the State and the Self: Political Philosophy and Practice in the Edicts of Asoka," *South Asian Studies*, 28:2 (University of Delhi: 2012), pp. 131–145. Article stable URL. (<https://dx.doi.org/10.1080/02666030.2012.725581>)
- Swearer, Donald. *Buddhism and Society in Southeast Asia* (Chambersburg, Pennsylvania: Anima Books, 1981) ISBN 0-89012-023-4
- Thapar, Romila. (1973). *Asoka and the decline of the Mauryas. 2nd Edition*. Oxford University Press, Reprint, 1980. SBN 19-660379 6.
- von Hinüber, Oskar. (2010). "Did Hellenistic Kings Send Letters to Asoka?" *Journal of the American Oriental Society*, 130:2 (Freiburg: 2010), pp. 261–266.
- MacPhail, James Merry: "Asoka", Calcutta: The Associative Press; Luân Đôn: Oxford University Press 1918 PDF (<http://ia700300.us.archive.org/22/items/asokaheritage00macpiala/asokaheritage00macpiala.pdf>) (5.9 MB)

## Chú giải

---

1. <sup>^</sup> Thapur (1973), p. 51.
2. <sup>^</sup> <sup>a</sup> <sup>b</sup> Jerry Bentley, *Old World Encounters: Cross-Cultural Contacts and Exchanges in Pre-Modern Times* (New York: Oxford University Press, 1993), 44.
3. <sup>^</sup> Jerry Bentley, *Old World Encounters: Cross-Cultural Contacts and Exchanges in Pre-Modern Times* (New York: Oxford University Press, 1993), 45.
4. <sup>^</sup> Jerry Bentley, *Old World Encounters: Cross-Cultural Contacts and Exchanges in Pre-Modern Times* (New York: Oxford University Press, 1993), 46. "Ashoka regarded Buddhism as a doctrine that could serve as a cultural foundation for political unity."
5. <sup>^</sup> Thiên nữ trong Văn Thù viện
6. <sup>^</sup> The Gift of Dust (<http://www.boloji.com/history/001.htm>)
7. <sup>^</sup> "The unknown Ashoka". Bản gốc lưu trữ ngày 14 tháng 1 năm 2010. Truy cập ngày 18 tháng 9 năm 2006.
8. <sup>^</sup> Bhikkhu Suvijjo (2011), "Đại hội kết tập kinh điển lần thứ tư", *Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy*, số 05 (tháng 2/2011), trang 42-43.
9. <sup>^</sup> Trưởng lão ni Sanghamitta, Vị ni trưởng đầu tiên tại Sri Lanka (<http://www.thuvienhoasen.org/truonglaoniSanghamitta.htm>) Lưu trữ (<https://web.archive.org/web/20100620034806/http://thuvienhoasen.org/truonglaoniSanghamitta.htm>) 2010-06-20 tại [Wayback Machine](#)**Dr. Lorna Dewaraja -Bình Anson** trích dịch

## Xem thêm

---

- [Trụ đá Ashoka](#)
- [Phật giáo](#)
- [Chandragupta Maurya](#)

- [Bindusara Maurya](#)
- [Chiến tranh Kalinga](#)
- [Ma-kiệt-đà](#)
- [Nhà Maurya](#)

## Liên kết ngoài

- [Ashoka \(https://dmoztools.net/Society/History/By\\_Region/Asia/South\\_Asia/Personalities/Ashoka/\)](https://dmoztools.net/Society/History/By_Region/Asia/South_Asia/Personalities/Ashoka/) trên [DMOZ](#)
-  Phương tiện liên quan tới [Ashoka](#) tại [Wikimedia Commons](#)



Wikisource có văn bản gốc từ các bài viết của 1911 *Encyclopædia Britannica* ***Asoka***.

### Bảng các chữ viết tắt

**bo.:** Bod skad བོད་སྐད་, [tiếng Tây Tạng](#) | **ja.:** 日本語 [tiếng Nhật](#) | **ko.:** 한국어, [tiếng Triều Tiên](#) | **pi.:** Pāli, [tiếng Pali](#) | **sa.:** Sanskrit संस्कृतम्, [tiếng Phạn](#) | **zh.:** 中文 [chữ Hán](#)

Lấy từ “[https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=A-dục\\_vương&oldid=68644012](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=A-dục_vương&oldid=68644012)”